**TRƯỜNG ĐẠI HỌC VINH**

**TRƯỜNG KHOA HỌC XÃ HỘI VÀ NHÂN VĂN**





**NGHỆ AN, NĂM 2024**

**MỤC LỤC**

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| **TT** | **TÊN BÀI VIẾT** | **Trang** |
| 1 | ĐẶC ĐIỂM, YÊU CẦU VÀ GIẢI PHÁP ĐỂ PHÁT TRIỂN HOẠT ĐỘNG ĐÀO TẠO, NGHIÊN CỨU VÀ ỨNG DỤNG TRONG LĨNH VỰC KHOA HỌC XÃ HỘI VÀ NHÂN VĂN*PGS. TS Nguyễn Thế Tư* | 6 |
| 2 | NÂNG CAO CHẤT LƯỢNG GIẢNG DẠY CÁC MÔN KHOA HỌC XÃ HỘI VÀ NHÂN VĂN Ở CÁC TRƯỜNG ĐẠI HỌC TRONG BỐI CẢNH MỚI*Thượng tá, PGS. TS Trần Hậu Tân* | 15 |
| 3 | CƠ HỘI VÀ THÁCH THỨC VỀ ĐÀO TẠO LIÊN NGÀNH TRONG LĨNH VỰC PHÁP LUẬT*TS. Đinh Ngọc Thắng* | 24 |
| 4 | KHOA HỌC XÃ HỘI VÀ NHÂN VĂN TRONG BỐI CẢNH KỶ NGUYÊN SỐ*TS. Vũ Thị Phương Lê* | 32 |
| 5 | ĐỀ XUẤT GIẢI PHÁP PHÁT TRIỂN HOẠT ĐỘNG ĐÀO TẠO VÀ NGHIÊN CỨU TRONG LĨNH VỰC KHOA HỌC XÃ HỘI VÀ NHÂN VĂN TRONG CÁC TRƯỜNG ĐẠI HỌC CÔNG LẬP TẠI VIỆT NAM*TS. Nguyễn Thị Tình, ThS Phạm Thị Phượng* | 43 |
| 6 | ỨNG DỤNG TRÍ TUỆ NHÂN TẠO TRONG ĐÀO TẠO CÁC NGÀNH KHOA HỌC XÃ HỘI VÀ NHÂN VĂN*TS. Hà Thị Thuý, TS. Phan Nữ Hiền Oanh* | 52 |
| 7 | XÂY DỰNG ĐỘI NGŨ GIẢNG VIÊN ĐÁP ỨNG YÊU CẦU ĐÀO TẠO, NGHIÊN CỨU TRONG LĨNH VỰC KHOA HỌC CHÍNH TRỊ Ở TRƯỜNG ĐẠI HỌC VINH*PGS.TS Trần Viết Quang* | 65 |
| 8 | ỨNG DỤNG TRÍ TUỆ NHÂN TẠO TRONG HOẠT ĐỘNG DẠY HỌC, HẠN CHẾ VÀ GIẢI PHÁP*TS. Hồ Thị Duyên, TS. Nguyễn Thị Thanh Trâm* | 71 |
| 9 | GẮN LÝ LUẬN VỚI THỰC TIỄN TRONG QUÁ TRÌNH ĐÀO TẠO, BỒI DƯỠNG LÝ LUẬN CHÍNH TRỊ, TỪ THỰC TIỄN TRƯỜNG CHÍNH TRỊ NGHỆ AN | 83 |

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
|  | *NCS.ThS. Nguyễn Văn Điều* |  |
| 10 | ĐÀO TẠO LUẬT THEO ĐỊNH HƯỚNG ỨNG DỤNG -THỰC TRẠNG VÀ GIẢI PHÁP Ở VIỆT NAM HIỆN NAY*TS. Trần Thị Bích Nga* | 92 |
| 11 | ĐỔI MỚI PHƯƠNG PHÁP GIẢNG DẠY NGÀNH LUẬT Ở TRƯỜNG KHOA HỌC XÃ HỘI NHÂN VĂN – TRƯỜNG ĐẠI HỌC VINH ĐÁP ỨNG ĐÀO TẠO NGUỒN NHÂN LỰC CHO XÃ HỘI HIỆN NAY*TS. Đinh Văn Liêm* | 106 |
| 12 | NÂNG CAO CHẤT LƯỢNG ĐÀO TẠO GẮN VỚI KỸ NĂNG THỰC HÀNH CHO SINH VIÊN NGÀNH LUẬT ĐÁP ỨNG YÊU CẦU THẾ GIỚI VIỆC LÀM VÀ HỘI NHẬP*TS. Nguyễn Thị Hà, ThS. Đoàn Minh Trang* | 116 |
| 13 | MỘT SỐ THÁCH THỨC VỀ ĐÀO TẠO NHÂN LỰC DU LỊCH Ở VIỆT NAM HIỆN NAY TRONG BỐI CẢNH CÔNG NGHỆ VÀ CHUYỂN ĐỔI SỐ TRONG LĨNH VỰC DU LỊCH*NCS.ThS. Nguyễn Thị Thanh Thanh* | 125 |
| 14 | MỘT SỐ YẾU TỐ LIÊN QUAN ĐẾN THỰC HÀNH CÔNG TÁC XÃ HỘI TRONG ĐÀO TẠO THEO TIẾP CẬN CDIO Ở TRƯỜNG ĐẠI HỌC VINH*ThS. Phùng Văn Nam* | 135 |
| 15 | NGHIÊN CỨU, GIẢNG DẠY PHÁP LUẬT VỀ QUYỀN CON NGƯỜI Ở CÁC CƠ SỞ GIÁO DỤC ĐẠI HỌC, TỪ THỰC TIỄN TRƯỜNG ĐẠI HỌC VINH*TS. Nguyễn Văn Đại và ThS. Nguyễn Thị Mai Anh* | 143 |
| 16 | ĐÀO TẠO PHÁP LUẬT GẮN VỚI KHỞI NGHIỆP: GIẢI PHÁP NÂNG CAO NĂNG LỰC PHÁP LÝ CHO SINH VIÊN TRONG BỐI CẢNH KINH TẾ SỐ*TS. Hồ Thị Hải, TS. Trần Thị Vân Trà, SV. Vương Bảo Ngọc* | 156 |
| 17 | ÁP DỤNG PHƯƠNG PHÁP SOCRATIC TRONG ĐÀO TẠO LUẬT NHẰM NÂNG CAO CHẤT LƯỢNG, RÈN LUYỆN KỸ NĂNG PHẢN BIỆN CHO NGƯỜI HỌC*TS. Nguyễn Văn Dũng – NCS. Hồ Trọng Hữu* | 164 |
| 18 | ỨNG DỤNG PHƯƠNG PHÁP DẠY HỌC TÌNH HUỐNG VÀ GIẢI PHÁP NÂNG CAO HIỆU QUẢ DẠY HỌC HỌC PHẦN LUẬT ĐẤT ĐAI | 170 |

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
|  | *ThS. Nguyễn Thị Phương Thảo, TS. Nguyễn Thị Thanh* |  |
| 19 | SỬ DỤNG BẢN ÁN CỦA TÒA ÁN TRONG GIẢNG DẠY LUẬT TẠI TRƯỜNG KHOA HỌC XÃ HỘI NHÂN VĂN, TRƯỜNG ĐẠI HỌC VINH*Nguyễn Thị Hồng Nhật* | 179 |
| 20 | SỰ TÁC ĐỘNG CỦA TRÍ TUỆ NHÂN TẠO ĐẾN ĐÀO TẠO NGÀNH LUẬT Ở VIỆT NAM HIỆN NAY*TS. Lê Hồng Hạnh, TS. Hà Thị Thuý* | 187 |
| 21 | ĐÀO TẠO BÁO CHÍ - TRUYỀN THÔNG TRONG BỐI CẢNH CHUYỂN ĐỔI SỐ HIỆN NAY*ThS. Nguyễn Thanh Hải* | 193 |
| 22 | NGHIÊN CỨU, GIẢNG DẠY VỀ CỤC DIỆN THẾ GIỚI SAU CHIẾN TRANH LẠNH*TS. Hắc Xuân Cảnh* | 203 |
| 23 | VAI TRÒ CỦA KHOA HỌC XÃ HỘI NHÂN VĂNTRONG XÂY DỰNG VÀ PHÁT TRIỂN CON NGƯỜI VIỆT NAM HIỆN NAY*TS. Trương Thị Phương Thảo* | 214 |
| 24 | GIẢI PHÁP HUY ĐỘNG NGUỒN LỰC KHOA HỌC XÃ HỘI VÀ NHÂN VĂN VÀO QUÁ TRÌNH ĐÔ THỊ HÓA Ở HÀ TĨNH*NCS. Đường Thế Anh* | 221 |
| 25 | CHUYỂN ĐỔI SỐ TRONG GIÁO DỤC ĐẠI HỌC – GÓC NHÌN PHÁP LÝ*ThS. Chu Thị Trinh, ThS. Nguyễn Mai Ly, ThS. Bùi Hạnh Phúc* | 228 |
| 26 | HỢP TÁC GIÁO DỤC - ĐÀO TẠO GIỮA VIỆT NAM VÀ LÀO TỪ NĂM 2010 ĐẾN NĂM 2020*PGS.TS. Bùi Văn Hào**Trường KHXH&NV, Trường Đại học Vinh* | 236 |
| 27 | PHONG TRÀO CỘNG SẢN QUỐC TẾ HIỆN NAY VÀ ĐÓNG GÓP CỦA ĐẢNG CỘNG SẢN VIỆT NAM*TS. Nguyễn Văn Trung* | 246 |
| 28 | NÂNG CAO CHẤT LƯỢNG GIÁO DỤC Ý THỨC BẢO VỆ TỔ QUỐC VIỆT NAM XÃ HỘI CHỦ NGHĨA CHO SINH VIÊN TRƯỜNG ĐẠI HỌC VINH*TS. Nguyễn Thị Lê Vinh, ThS. Trần Văn Long* |  |

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| 29 | THÁCH THỨC PHÁP LÝ TRONG BẢO HỘ QUYỀN TÁC GIẢ TRONG BỐI CẢNH SỰ PHÁT TRIỂN CỦA TRÍ TUỆ NHÂN TẠO Ở VIỆT NAM HIỆN NAY*Đặng Thị Hồng Minh, Phạm Thị Hoài* | 263 |
| 30 | ẢNH HƯỞNG CỦA CÁCH MẠNG MÀU ĐẾN NHẬN THỨC CỦA SINH VIÊN VÀ NHỮNG VẤN ĐỀ ĐẶT RA TRONG HOẠT ĐỘNG ĐÀO TẠO*ThS. Nguyễn Trâm Anh* | 270 |
| 31 | NÂNG CAO NHẬN THỨC CHÍNH TRỊ CHO SINH VIÊN KHOA HỌC XÃ HỘI VÀ NHÂN VĂN THÔNG QUA CÔNG TÁC PHÁT TRIỂN ĐẢNG*ThS. Lê Dương Thùy Hương* | 277 |
| 32 | BẢO HỘ QUYỀN SỞ HỮU TRÍ TUỆ TẠI CÁC CƠ SỞ GIÁO DỤC ĐẠI HỌC TRONG BỐI CẢNH CÔNG NGHIỆP 4.0*TS. Phạm Thị Thuý Liễu, ThS. Võ Thị Thuý Hằng* | 285 |
| 33 | NÂNG CAO VAI TRÒ QUẢN TRỊ ĐẠI HỌC TRONG ĐÀO TẠO THEO ĐỊNH HƯỚNG ỨNG DỤNG ĐÁP ỨNG NHU CẦU XÃ HỘI VÀ HỘI NHẬP QUỐC TẾ HIỆN NAY*TS. Bùi Đức Sinh* | 295 |
| 34 | GIẢI PHÁP NÂNG CAO HIỆU QUẢ CÔNG TÁC XÂY DỰNG, BAN HÀNH VÀ TỔ CHỨC THỰC HIỆN CÁC VĂN BẢN QUY PHẠM PHÁP LUẬT QUẢN LÝ VỀ TÀI NGUYÊN VÀ MÔI TRƯỜNG BIỂN VÀ HẢI ĐẢO CỦA ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH BÀ RỊA - VŨNG TÀU*TS. Phan Văn Tuấn, ThS. Nguyễn Thị Thanh Tuyền* | 305 |
| 35 | PHÁT TRIỂN MÔ HÌNH CÔNG TÁC XÃ HỘI TRONG TRƯỜNG HỌC TẠI TỈNH TIỀN GIANG*PGS.TS. Huỳnh Văn Chẩn, TS. Tạ Thị Thanh Thủy* | 315 |
| 36 | PHÁT TRIỂN DU LỊCH TÂM LINH ĐẢM BẢO TÍNH BỀN VỮNG Ở NGHỆ AN*TS. Nguyễn Hồng Vinh* | 326 |
| 37 | KHÁN GIẢ TIẾP NHẬN ĐẾN KHÁCH HÀNG CHỦ ĐỘNG: MỘT TỔNG THUẬT VỀ NGHIÊN CỨU CÔNG CHÚNG TRÊN THẾ GIỚI*ThS. Nguyễn Thị Quỳnh Nga* | 334 |

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| 38 | THỰC TRẠNG VÀ CÁC GIẢI PHÁP NÂNG CAO HIỆU QUẢ HOẠT ĐỘNG CÔNG TÁC XÃ HỘI VỚI NGƯỜI NHIỄM HIV/AIDS TRÊN ĐỊA BÀN TỈNH NGHỂ AN*ThS. Phạm Thị Oanh* | 350 |
| 39 | VAI TRÒ CỦA CÔNG TÁC XÃ HỘI TRONG PHỤC HỒI CHỨC NĂNG DỰA VÀO CỘNG ĐỒNG CHO TRẺ TỰ KỶ*NCS, ThS. Trần Thị Khánh Dung* | 360 |
| 40 | TÁC ĐỘNG XÃ HỘI CỦA LAO ĐỘNG VIỆT NAM ĐI LÀM VIỆC Ở NƯỚC NGOÀI: TÌNH HÌNH HIỆN TẠI VÀ ĐỀ XUẤT GIẢI PHÁP (NGHIÊN CỨU TRƯỜNG HỢP Ở MỘT SỐ XÃ CỦA HUYỆN YÊN THÀNH, TỈNH NGHỆ AN)*TS. Võ Thị Cẩm Ly* | 370 |
| 41 | KHÁI QUÁT QUÁ TRÌNH THỰC HIỆN CHÍNH SÁCH PHỔ CẬP THẺ BẢO HIỂM Y TẾ Ở THÀNH PHỐ VINH TỪ KHI RA ĐỜI ĐẾN NAY*ThS. Phan Thị Thúy Hà* | 381 |
| 42 | THỰC TRẠNG ĐỘI NGŨ NHÂN VIÊN CUNG CẤP DỊCH VỤ CÔNG TÁC XÃ HỘI TẠI CÁC BỆNH VIỆN TRÊN ĐỊA BÀN TỈNH NGHỆ AN*NCS, Th.S. Nguyễn Thị Hoài An* | 392 |
| 43 | ĐỜI SỐNG VĂN HÓA - XÃ HỘI CÁC DÂN TỘC THIỂU SỐ Ở NGHỆ AN*TS. Bùi Minh Thuận* | 402 |
| 44 | PHÒNG NGỪA TỘI PHẠM MA TÚY TRONG THỜI KỲ HỘI NHẬP QUỐC TẾ Ở VIỆT NAM HIỆN NAY*TS. Bùi Thị Phương Quỳnh* | 412 |
| 45 | TRÍ TUỆ NHÂN TẠO: CƠ HỘI VÀ THÁCH THỨC TRONG GIÁO DỤC ĐẠI HỌC*Th.S Nguyễn Thị Ngọc Thành* | 422 |
| 46 | RÈN LUYỆN KỸ NĂNG TRANH LUẬN, PHẢN BIỆN CHO SINH VIÊN LUẬT*Nguyễn Thiên Ban, Nguyễn Thị Phương Nghi* | 431 |

# HỢP TÁC GIÁO DỤC - ĐÀO TẠO GIỮA NHÀ NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM VÀ NHÀ NƯỚC CỘNG HOÀ DÂN CHỦ NHÂN DÂN LÀO TỪ NĂM 2010 ĐẾN NĂM 2020

### PGS.TS. Bùi Văn Hào Trường KHXH&NV, Trường Đại học Vinh

**Tóm tắt:** *Trong bối cảnh quá trình toàn cầu hóa và cuộc cách mạng 4.0 diễn ra mạnh mẽ, từ năm 2010 đến năm 2020, Việt Nam và Lào đã tăng cường hợp tác giáo dục - đào tạo để đáp ứng nguồn nhân lực. Trong giai đoạn này, hợp tác giáo dụ - đào tạo giữa hai quốc gia đạt được nhiều thành tựu, góp phần quan trọng vào việc phát triển kinh tế - xã hội của mỗi nước. Tuy nhiên, trong quá trình hợp tác, vẫn còn một số tồn tại, hạn chế. Nội dung bài viết khái quát thực trạng hợp tác giáo dục - đào tạo giữa Việt Nam và Lào từ năm 2010 đến năm 2020 và đề xuất một số giải pháp có tính khả thi để nâng cao hơn nữa hiệu quả hợp tác lĩnh vực này trong những năm tiếp theo.*

**Từ khóa:** *Hợp tác giáo dục - đào tạo; hợp tác Việt Nam - Lào; đào tạo nguồn nhân lực Việt Nam - Lào.*

## Đặt vấn đề

Với tình cảm thủy chung son sắt được tôi luyện trong những năm tháng khó khăn gian khổ kề vai sát cánh bên nhau xây dựng và bảo vệ đất nước, mối quan hệ Việt Nam - Lào ngày càng gắn bó, cho đến nay, nó đã trở thành di sản quí báu của hai dân tộc, biểu tượng mẫu mực về quan hệ giữa hai nước láng giềng.

Từ năm 2010 đến năm 2020, trong bối cảnh tình hình thế giới, khu vực có nhiều thay đổi, quan hệ Việt Nam - Lào tiếp tục được củng cố, tăng cường và có nhiều nét mới. Quan hệ hợp tác giữa hai nước trong giai đoạn này tiếp tục phát triển cả về bề rộng lẫn chiều sâu trên tất cả các lĩnh vực, từ chính trị - ngoại giao, an ninh - quốc phòng và công tác biên giới, đến kinh tế, văn hóa, giáo dục, y tế… Đây cũng là giai đoạn toàn cầu hóa và cuộc cách mạng 4.0 diễn ra mạnh mẽ, tác động ngày càng sâu sắc đến tất cả các lĩnh vực, các quốc gia trên thế giới, nên hợp tác giáo dục - đào tạo nguồn nhân lực được Đảng, Nhà nước, Chính phủ cũng như các địa phương của hai nước hết sức quan tâm. Để tạo bước đột phá trong lĩnh vực hợp tác này, Chính phủ Việt Nam và Chính phủ Lào ký Thỏa thuận đề án *“Nâng cao chất lượng và hiệu quả hợp tác Việt - Lào trong lĩnh vực giáo dục phát triển nguồn nhân lực giai đoạn 2011 - 2020”.* Sau 10 năm phấn đấu của cả hai bên, Thỏa thuận hợp tác đã được thực hiện thành công, góp phần đào tạo nguồn nhân lực chất lượng cao phục vụ sự nghiệp công nghiệp hóa, hiện đại hóa ở mỗi nước.

## Nội dung

* 1. **Thực trạng hợp tác giáo dục - đào tạo giữa Việt Nam và Lào từ năm 2010 đến năm 2020**

### Khái quát hợp tác giáo dục - đào tạo giữa Việt Nam và Lào trước năm 2010

Hợp tác đào tạo giáo dục - đào tạo giữa Việt Nam và Lào đã được thực hiện “từ buổi ban đầu của thời kỳ cách mạng, lúc hai nước cùng chiến đấu trong một chiến hào, bộ đội tình nguyện Việt Nam đã dạy chữ cho các chiến sĩ cách mạng Lào”\*. Trong giai đoạn này, các cán bộ, chiến sĩ Việt Nam đã tích cực đào tạo nhiều người con của Lào sau này trở thành những cán bộ ưu tú, những chỉ huy tài năng. Nhiều cán bộ Việt Nam đã tình nguyện sang giúp vùng giải phóng Lào phát triển giáo dục. Hàng ngàn con em người Lào được đón sang học tập tại các trường dân tộc nội trú, sau đó vào học tại các trường Đại học, Cao đẳng ở Việt Nam. Chỉ tính từ năm 1965 đến 1974, “Việt Nam đã đào tạo 4.000 học sinh đến từ các vùng giải phóng Lào sang theo học cấp I, cấp II và cấp III”†. Tuy nhiên, trong những năm kháng chiến, do cả hai nước đang phải tập trung toàn lực cho sự nghiệp giải phóng dân tộc, thống nhất đất nước nên quan hệ hợp tác trong lĩnh vực này mới được triển khai bước đầu, còn hạn chế cả về số lượng lẫn chất lượng.

Sau khi hoà bình lập lại, Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam và Cộng hòa Dân chủ Nhân dân Lào đã ký Hiệp ước Hữu nghị và Hợp tác (18/7/1977). Để thực hiện Hiệp ước, cùng với việc tăng cường quan hệ chính trị, an ninh – quốc phòng, kinh tế, văn hóa,..., hai nước chủ trương mở rộng và đa dạng hóa các chương trình hợp tác giáo dục - đào tạo. Vì vậy, số lưu học sinh Lào được gửi sang đào tạo tại Việt Nam trở nên đa dạng và phong phú về hình thức cũng như quy mô‡. Từ năm 1977 đến năm 1990, có hàng ngàn lưu học sinh Lào học tập ở Việt Nam theo nhiều dạng, nhiều hệ. “Từ năm 1991 đến năm 1995, Việt Nam đào tạo giúp Lào 1.540 lưu học sinh hệ dài hạn. Từ năm 1996 đến năm 2000, có 2.256 lưu học sinh Lào học tập tại Việt Nam, trong đó có 1.356 người học hệ dài hạn. Từ năm 2001 đến năm 2005, Việt Nam tiếp nhận 3.360 lưu học sinh Lào, trong đó có 215 người học Cao học và Nghiên cứu sinh. Từ năm 2006 đến năm 2010, mỗi năm số lưu học sinh Lào gửi sang đào tạo tại Việt Nam duy trì khoảng 550 đến 650 người. Chỉ tính

* Nguyễn Thiện Nhân, *Nâng cao chất lượng trong mỗi chương trình hợp tác,* Việt Nam - Lào: 45 năm hợp tác và hữu nghị (Đặc san Báo Thế giới và Việt Nam), Hà Nội, tr. 92.

† Ban chỉ đạo nghiên cứu biên soạn lịch sử quan hệ đặc biệt Việt Nam - Lào (1930 - 2007) và Ban chỉ đạo nghiên cứu biên tập lịch sử quan hệ đặc biệt Lào - Việt Nam (1930 - 2007) (2010), *Lịch sử quan hệ đặc biệt Việt Nam - Lào (1930 - 2007)*, Nxb Chính trị Quốc gia, Hà Nội, tr. 435.

‡ Đỗ Thanh Bình, *Hợp tác giáo dục - đào tạo: một biểu hiện sinh động của quan hệ đặc biệt Việt - Lào,*

Tạp chí Đông Nam Á, số 9/2017, tr. 37.

thời điểm tháng 12/2009, có 4.888 lưu học sinh Lào đang học tập tại Việt Nam, trong đó

2.084 người thuộc diện được học bổng của hai Chính phủ, 940 người thuộc diện tự túc kinh phí, 1.644 người thuộc diện học bổng trao đổi giữa các địa phương và các ngành. Ngoài ra, hàng năm còn có hàng trăm cán bộ cấp cao của các Bộ ngành Trung ương Cộng hòa Dân chủ Nhân dân Lào tham dự các lớp tập huấn, bồi dưỡng ngắn hạn tại các Trung tâm, Học viện cao cấp của Việt Nam”\*.

Về phía Lào, mặc dù còn nhiều khó khăn, nhưng từ năm 1982, Chính phủ Lào đã dành một số học bổng cho cán bộ, học sinh Việt Nam sang học tập về ngôn ngữ, văn học Lào. Tính đến năm 2010, đã có 449 lưu học sinh Việt Nam được sang học tập tại Lào bằng học bổng do Chính phủ Lào cấp†.

Mặc dù quan hệ hai nước trong giai đoạn này đang chuyển dần từ cơ chế quan liêu bao cấp sang cơ chế thị trường, nhưng với tinh thần “giúp bạn là giúp mình”, hợp tác giáo dục - đào tạo giữa Việt Nam và Lào vẫn tiếp tục phát triển, góp phần quan trọng giúp Lào nhanh chóng hoàn thiện hệ thống giáo dục - đào tạo và kịp thời bổ sung nguồn nhân lực cho các lĩnh vực, các ngành.

### Hợp tác giáo dục - đào tạo giữa Việt Nam và Lào từ năm 2010 đến năm 2020

Từ năm 2010 đến năm 2020, tình hình thế giới và khu vực có nhiều biến đổi. Cuộc cách mạng khoa học - công nghệ diễn ra với tốc độ ngày càng nhanh đã tác động sâu sắc đến mọi lĩnh vực của đời sống xã hội. Vấn đề đặt ra cho các quốc gia là làm thế nào để đáp ứng yêu cầu về mọi mặt, trước hết là nguồn nhân lực chất lượng cao cho cuộc cách mạng ấy. Trong bối cảnh đó, Chính phủ Việt Nam và Chính phủ Lào đã ký văn bản thỏa thuận, giao cho Bộ Giáo dục và Đào tạo Việt Nam phối hợp với Bộ Giáo dục và Thể thao Lào thực hiện đề án *“Nâng cao chất lượng và hiệu quả hợp tác Việt - Lào trong lĩnh vực giáo dục phát triển nguồn nhân lực giai đoạn 2011 - 2020”*. Đề án tập trung nâng cao chất lượng đầu vào tuyển sinh theo các chương trình hợp tác; bồi dưỡng trình độ tiếng Việt, trình độ văn hóa cơ bản cho lưu học sinh Lào để đáp ứng được yêu cầu học tập và nghiên cứu khoa học; sắp xếp ngành nghề đào tạo lưu học sinh xuất phát từ nhu cầu phát triển kinh tế - xã hội và quy hoạch cán bộ của Lào; phối hợp giúp đỡ lưu học sinh Lào

* Học viện Chính trị quốc gia Hồ Chí Minh, Viện Hàn lâm Khoa học xã hội Việt Nam, Học viện Chính trị
* Hành chính quốc gia Lào, Viện Khoa học xã hội quốc gia Lào (2017), *55 năm quan hệ hữu nghị đặc biệt, hợp tác toàn diện Việt Nam - Lào, (Kỷ yếu hội thảo kỷ niệm 55 năm Ngày thiết lập quan hệ ngoại giao Việt Nam - Lào (5-9-1962 - 5-9-2017), 40 năm Ngày ký Hiệp ước Hữu nghị và Hợp tác giữa hai nước (18-7-1977 - 18-7-2017)*, Phan Thiết (Bình Thuận), tr. 219.

† Học viện Chính trị quốc gia Hồ Chí Minh, Viện Hàn lâm Khoa học xã hội Việt Nam, Học viện Chính trị

* Hành chính quốc gia Lào, Viện Khoa học xã hội quốc gia Lào (2017), *Sdd*, tr. 220.

vượt qua khó khăn trong học tập và sinh hoạt; tăng cường cơ sở vật chất của các trường có lưu học sinh Lào để đáp ứng được yêu cầu nâng cao chất lượng đào tạo.

Dưới sự lãnh đạo và chỉ đạo trực tiếp của Chính phủ hai nước, Bộ Giáo dục và Đào tạo Việt Nam và Bộ Giáo dục và Thể thao Lào đã triển khai đồng bộ nhiều hoạt động để thực hiện đề án, nhằm tạo ra bước đột phá trong lĩnh vực hợp tác giáo dục - đào tạo nguồn nhân lực giữa hai nước.

Sau 10 năm thực hiện đề án, bộ Từ điển Việt - Lào, Lào - Việt và bộ giáo trình dạy tiếng Việt đã hoàn thành, bàn giao cho Bộ Giáo dục và Thể thao Lào. Các công trình trọng điểm của đề án cũng đã hoàn thành.

Các nội dung cơ bản của đề án cũng được Bộ Giáo dục và Đào tạo Việt Nam phối hợp với Bộ Giáo dục và Thể thao Lào nghiêm túc thực hiện trên cơ sở Nghị định thư hàng năm giữa hai nước như:

* Tập trung đào tạo cán bộ quản lý, cán bộ thực hiện các dự án, chương trình hợp tác giữa hai nước; có chính sách đào tạo lại, đào tạo đại học và đào tạo sau đại học chất lượng cao phù hợp với xu thế phát triển kinh tế và hội nhập quốc tế của Lào. Tăng số lượng đào tạo lưu học sinh diện Hiệp định giữa hai Chính phủ (trung bình 10% năm).
* Đổi mới phương pháp tuyển sinh và đào tạo dự bị đại học, nâng cao trình độ tiếng Việt cho lưu học sinh Lào. Bắt đầu từ năm 2012, lưu học sinh sang học tại Việt Nam được Bộ Giáo dục và Thể thao Lào xét tuyển trong số các sinh viên đang học năm thứ nhất của 5 trường đại học của Lào và các học sinh xuất sắc tốt nghiệp trung học phổ thông của các trường dân tộc nội trú, các trường phổ thông trung học do Việt Nam giúp xây dựng. Từ năm 2012 đến năm 2020, Bộ Giáo dục và Đào tạo Việt Nam đã cử 40 giáo viên sang giảng dạy và bồi dưỡng phương pháp dạy tiếng Việt cho các giáo viên tại các trường dân tộc nội trú và trường phổ thông do Việt Nam giúp đỡ xây dựng. Học sinh Lào trúng tuyển đi học đại học hoặc sau đại học tại Việt Nam được học dự bị tiếng Việt cơ sở 1 năm tại Khoa Tiếng Việt của Đại học Quốc gia Lào; sau đó học tiếng Việt nâng cao và dự bị kiến thức chuyên ngành 1 năm ở Việt Nam trước khi vào các trường đại học hay học viện.
* Qui vào một đầu mối việc quản lý đào tạo dài hạn chính quy các ngành chính trị, kinh tế, văn hóa, giáo dục và khoa học - kỹ thuật nên đảm bảo chất lượng đào tạo và hiệu quả sử dụng sau đào tạo\*.

Trên cơ sở đề án *“Nâng cao chất lượng và hiệu quả hợp tác Việt - Lào trong lĩnh vực giáo dục phát triển nguồn nhân lực giai đoạn 2011 - 2020”* và Nghị định thư ký kết

* [*http://lyluanchinhtri.vn/home/index.php/thuc-tien/item/469-hop-tac-giao-duc-va-phat-trien-nguon-nhan-*](http://lyluanchinhtri.vn/home/index.php/thuc-tien/item/469-hop-tac-giao-duc-va-phat-trien-nguon-nhan-) *luc-viet-nam-lao.html*

hàng năm giữa hai nước, các cơ quan chức năng và các địa phương có quan hệ hợp tác đã hoàn thành xuất sắc một số nội dung quan trọng:

* *Đào tạo tiếng Việt cho sinh viên, học viên Lào* là một nhiệm vụ quan trọng. Trong giai đoạn này, “việc nâng cao tiếng Việt cho học sinh, sinh viên tại Lào được chú trọng bằng cách đào tạo trước từ 3 đến 4 tháng tiếng Việt cho học sinh, sinh viên Lào trúng tuyển đi học tại Việt Nam”\*. Nhờ đào tạo tiếng Việt cơ bản tại Lào nên khi sang học dự bị tại Việt Nam, lưu học sinh đã bắt nhịp nhanh với chương trình học tập, có sự tiến bộ rõ rệt, góp phần quan trọng vào việc nâng cao chất lượng đào tạo lưu học sinh Lào tại Việt Nam.

*Bồi dưỡng cán bộ trong hệ thống chính trị* được thực hiện thông qua các khóa bồi dưỡng ngắn hạn hàng năm. Ngoài ra, Việt Nam đã triển khai 2 dự án tăng cường năng lực cho đội ngũ cán bộ quản lý giáo dục của Lào. Về tổng thể, “từ năm 2011 đến nay, Việt Nam đã triển khai đào tạo, bồi dưỡng cho 1.196 cán bộ, giáo viên, sinh viên Lào thông qua 44 đợt/khóa tập huấn. Về phía Lào đã tiếp nhận 395 sinh viên Việt Nam sang học tập, trong đó có 44 thạc sỹ, 289 cử nhân và 62 thực tập sinh tiếng Lào”†.

*Về trao đổi sinh viên,* hai nước tăng cường khuyến khích, thu hút học sinh, sinh viên Việt Nam học tập tại Lào và lưu học sinh Lào học tập tại Việt Nam. “Trong những năm gần đây, lưu học sinh Lào tại Việt Nam luôn duy trì trên 15.000 người. Ở chiều ngược lại, số lượng lưu học sinh Việt Nam sang Lào học cũng tăng liên tục từ 2011 đến nay”‡. Hai bên cũng tăng cường hợp tác thông qua các cơ chế hợp tác giữa Chính phủ, các bộ ngành hai nước và các cơ chế hợp tác đa phương như hợp tác liên kết vùng trong ASEAN, các nước Mê Kông mở rộng, khuôn khổ Tam giác phát triển khu vực biên giới Việt Nam, Lào và Campuchia§.

*Hợp tác xây dựng cơ sở hạ tầng giáo dục* cũng được Chính phủ Việt Nam và Chính phủ Lào đặc biệt quan tâm. Trong thời gian này, Bộ Giáo dục và Thể thao Lào đã tiến hành nhiều chương trình cải cách giáo dục, trong đó chú trọng nâng cấp cơ sở hạ tầng và môi trường học tập. Bằng nguồn vốn của Chính phủ Việt Nam viện trợ cho Lào giai đoạn 2011-2020, Bộ Giáo dục và Đào tạo Việt Nam đầu tư xây dựng và hoàn thành 7 dự án công trình trường học như: Trường PTTH Pòng-khăm tỉnh Luông-phra-băng năm

* Trần Thị Hồng (2022), *Hợp tác giáo dục Việt - Lào từ năm 2011 đến nay: thực trạng và giải pháp,* Tạp chí Lý luận chính trị và Truyền thông, số 5/2022, tr. 3.

† Trần Thị Hồng (2022), *Sdd,* tr. 3.

‡ Trần Thị Hồng (2022), *Sdd,* tr. 4.

§. Nguyễn Hải Hữu (2011*), “Một số vấn đề về phát triển nguồn nhân lực ở CHDCND Lào”,* Kỷ yếu Hội thảo khoa học quốc tế “Phát triển kinh tế xã hội Việt Nam và Lào giai đoạn 2011-2020”, Nxb. Khoa học xã hội, Viêng Chăn, T.2, tr. 287.

2012; Trường DTNT tỉnh Xiêng-khoảng năm 2013; Khoa tiếng Việt Trường Đại học Champasak và Trường Đại học Suphanuvong năm 2018; Xây dựng giai đoạn 2 Trường PTTH Hữu nghị Lào - Việt, thủ đô Viêng Chăn năm 2018 và trường PTTH Hữu nghị Lào

- Việt tỉnh Savanakhet năm 2019\*.

Hợp tác giáo dục – đào tạo giữa Việt Nam và Lào từ năm 2010 đến nay được triển khai không chỉ trên phương diện quốc gia, mà còn có sự tham gia tích cực của các địa phương (nhất là các tỉnh có chung đường biên giới Việt Nam - Lào).

Trên phương diện quốc gia, Học viện Chính trị Quốc gia Hồ Chí Minh, Đại học Quốc gia Hà Nội, Đại học Bách Khoa Hà Nội, Học viện Nông nghiệp, Học viện Phòng không - Không quân,... là những cơ sở đào tạo có số lưu học sinh Lào theo học đông đảo.

Các địa phương của hai nước (nhất là các tỉnh có chung đường biên giới) cũng đã có nhiều đóng góp quan trọng thúc đẩy sự hợp tác đào tạo nguồn nhân lực Việt Nam - Lào trong những năm từ 2011 đến 2020. Ở Tây Bắc, “hiện có hơn 800 lưu học sinh Lào đang học tại Trường Đại học Tây Bắc, Trường Cao đẳng Sơn La, Trường Cao đẳng Y tế Sơn La và Trường Trung cấp Văn hóa Nghệ thuật và Du lịch Sơn La. Ngoài ra, còn có hơn 600 cán bộ của các tỉnh Bắc Lào được đào tạo các ngành nghề khác nhau đã trở về nước làm việc†. Ở Thanh Hóa, Trường Đại học Hồng Đức, Trường Đại học Văn hóa - Thể thao và Du lịch Thanh Hóa, Trường Cao đẳng Y tế Thanh Hóa,… hàng năm đều thu nhận lưu học sinh Lào sang học tập. Ngoài ra, các đơn vị của tỉnh Thanh Hóa đã hỗ trợ cho tỉnh Hủa Phăn 13 tỷ đồng để xây dựng trường lớp‡. Nghệ An là tỉnh có truyền thống hợp tác giáo dục - đào tạo nguồn nhân lực cho các tỉnh của Lào, nhất là tỉnh Xiêng Khoảng. Đóng vai trò chủ đạo trong lĩnh vực hợp tác giai đoạn này ở Nghệ An là Trường Đại học Vinh. Ngoài ra, còn có sự tham gia của Trường Đại học Sư phạm Kỹ thuật Vinh, Trường Đại học Y Nghệ An, Trường Đại học Kinh tế Nghệ An, Trường Cao đẳng nghề Việt - Đức§. Các tỉnh Điện Biên, Hà Tĩnh, Quảng Bình, Quảng Trị, Thừa Thiên - Huế, Kon Tum,… trong những năm qua cũng đã có nhiều cố gắng trong việc đẩy mạnh hợp tác toàn diện với các tỉnh của Lào, nhất là trong lĩnh vực đào tạo nguồn nhân lực. Ngoài ra, nhiều tỉnh, thành phố khác của Việt Nam mặc dù không có đường biên giới chung với các

* Trần Thị Hồng (2022), *Sdd,* tr.5.

† *https://nhandan.vn/tin-tuc-giao-duc/tang-cuong-hop-tac-dao-tao-nguon-nhan-luc-cho-cac-tinh-bac-lao- 695494/*

‡ Lưu thị Kim (2021), *Quan hệ giữa tỉnh Hủa Phăn (Lào) và tỉnh Thanh Hóa (Việt Nam) từ năm 1986 đến năm 2017,* Luận án Tiến sĩ, Trường Đại học Vinh, tr. 112.

§ Nguyễn Viết Xuân (2021), *Quan hệ Lào-– Việt Nam (1986 - 2016)*, Luận án Tiến sĩ, Đại học Huế, tr. 103.

tỉnh của Lào, nhưng cũng đã có nhiều đóng góp vào sự hợp tác đào tạo nguồn nhân lực Việt Nam - Lào.

Về phía Lào, phải kể đến những đóng góp tích cực của Đại học Quốc gia Lào. Đại học Quốc gia Lào không chỉ hợp tác với nhiều cơ sở đào tạo của Việt Nam trong việc nâng cao chất lượng nguồn nhân lực cho các lĩnh vực, các ngành của Lào mà còn đón nhận nhiều cán bộ, học viên Việt Nam sang học tập theo Nghị định thư đã ký giữa hai nước.

Nhìn chung, hợp tác giáo dục đào tạo giữa Việt Nam và Lào trong từ năm 2010 đến năm 2020 đã đạt được nhiều thành tựu quan trọng. Số lượng lưu học sinh hai nước không ngừng tăng lên, hợp tác giáo dục hai nước ngày càng đổi mới về phương thức, đa dạng hoá về nội dung hợp tác. Nhờ đó, hợp tác giáo dục giữa Việt Nam và Lào góp phần cung cấp nguồn nhân lực vững chắc, có trình độ chuyên môn cao, là nhân tố hàng đầu trong công cuộc phát triển đất nước trong thời kỳ hội nhập, đồng thời vun đắp và thắt chặt tình đoàn kết, mối quan hệ hợp tác đặc biệt Việt - Lào.

Tuy nhiên, hợp tác giữa Việt Nam và Lào trong lĩnh vực giáo dục - đào tạo vẫn còn một số tồn tại, hạn chế. Kết quả học tập của lưu học sinh Lào tại Việt Nam chưa đồng đều ở các cơ sở đào tạo, ở các ngành nghề; Chưa có giáo trình thống nhất dạy tiếng Việt cho lưu học sinh dự bị của Lào. Hiện nay, các cơ sở đào tạo sử dụng một giáo trình giảng dạy riêng nên chưa có sự đồng bộ đánh giá; Kế hoạch dạy song ngữ Việt - Lào triển khai chậm, không được như mong muốn; Số lượng giáo viên Việt Nam sang dạy tiếng Việt tại Lào chưa đủ để đáp ứng nhu cầu đào tạo tiếng Việt tại Lào và điều kiện cơ sở vật chất tại nhiều cơ sở giáo dục của Lào còn hạn chế.

## Một số giải pháp nhằm nâng cao hiệu quả hợp tác giáo dục – đào tạo giữa Việt Nam và Lào

Trên cơ sở tổng kết những thành tựu, hạn chế trong hợp tác giáo dục - đào tạo giữa Việt Nam và Lào từ năm 2010 đến năm 2020, tháng 12/2020, Bộ Giáo dục và Đào tạo Việt Nam và Bộ Giáo dục và Thể thao Lào tiếp tục ký kết các văn bản quan trọng như: *Đề án nâng cao chất lượng và hiệu quả hợp tác Việt Nam - Lào trong lĩnh vực giáo dục và phát triển nguồn nhân lực giai đoạn 2021 - 2030; Thỏa thuận kế hoạch triển khai Đề án đưa nội dung các sản phẩm công trình lịch sử quan hệ đặc biệt giữa hai nước Việt Nam - Lào, Lào - Việt Nam vào giảng dạy tại các trường học của hai nước....* Để nâng cao hiệu quả hợp tác giáo dục - đào tạo giữa Việt Nam và Lào như các văn bản đã ký kết, theo chúng tôi, cần quan tâm đến một số giải pháp sau đây.

*Thứ nhất,* cần tập trung nâng cao chất lượng công tác dạy và học tiếng Việt. Cần xây dựng một số trung tâm để bồi dưỡng, đánh giá và cấp chứng chỉ tiếng Việt tại Lào

nhằm đảm bảo sự chủ động và chuẩn chất lượng tiếng Việt đầu vào cho lưu học sinh Lào trước khi sang học tập tại Việt Nam. Tiếp tục tăng cường công tác đào tạo tiếng Việt cho học sinh, sinh viên, cán bộ tại Lào và dự bị tiếng Việt, ít nhất 3 đến 4 tháng tại Lào trước khi sang Việt Nam. Tăng cường tập huấn nâng cao năng lực giáo viên dạy tiếng Việt như một ngoại ngữ tại Lào. Chế độ cho giáo viên giảng dạy tiếng Việt tại Lào cần sớm được cải thiện để có thể thu hút được các giáo viên có chất lượng cao hơn. Cần có chính sách hỗ trợ giáo viên người Lào dạy tiếng Việt và hỗ trợ các trường phổ thông của Lào tổ chức dạy tiếng Việt như một ngoại ngữ để mở rộng thêm mạng lưới các trường dạy tiếng Việt ngoài các trường phổ thông do Việt Nam hỗ trợ xây dựng. Tăng thêm thời gian học tiếng Việt, củng cố tiếng Việt cho lưu học sinh đảm bảo cho các em thành thạo kỹ năng nghe, nói, đọc, viết.

*Thứ hai,* bên cạnh việc tăng cường đào tạo nguồn nhân lực chất lượng cao, cần chú trọng, tăng cường việc bồi dưỡng cán bộ, giáo viên. Cần tiếp tục cấp học bổng cho các cán bộ các cơ quan chức năng và các địa phương của Lào được cử sang Việt Nam tập huấn, bồi dưỡng chuyên môn, nghiệp vụ ngắn hạn; duy trì các khóa bồi dưỡng ngắn hạn về chuyên môn, phương pháp giảng dạy tiếng Việt cho các giáo viên, sinh viên khoa tiếng Việt của Lào. Chia sẻ kinh nghiệm và hỗ trợ việc triển khai hoạch định chính sách, biên soạn chương trình, giáo trình, sách giáo khoa trung học phổ thông, công tác giáo dục dân tộc, kiểm định chất lượng giáo dục, phối hợp xây dựng chiến lược phát triển nguồn nhân lực.

*Thứ ba,* việc hợp tác giáo dục - đào tạo giữa Việt Nam - Lào cần hạn chế dần ở bậc Trung học phổ thông, Trung cấp, Cao đẳng, để tập trung cho việc đào tạo nguồn nhân lực trình độ cao. Cần có chính sách ưu tiên có chọn lọc, đào tạo sau đại học và đào tạo đại học chất lượng cao phù hợp với xu thế phát triển kinh tế và hội nhập quốc tế của Lào. Bộ Giáo dục và Đào tạo Việt Nam cần phối hợp với Bộ Giáo dục và Thể thao Lào thống nhất về chế độ, tiêu chí tuyển sinh trước khi đưa lưu học sinh sang học tại Việt Nam. Các cơ sở giáo dục Việt Nam cần chủ động xây dụng quy trình, quy chế, tiêu chí tuyển sinh và chỉ tiếp nhận lưu học sinh khi có đủ điều kiện nhập học theo quy định. Việt Nam cũng cần xem xét tăng số lượng học bổng và chế độ học bổng cho lưu học sinh Lào học tập tại Việt Nam, đồng thời có các chính sách hỗ trợ cho các cơ sở giáo dục Việt Nam có nhiều thành tích trong công tác đào tạo nguồn nhân lực cho Lào.

*Thứ tư,* cần tránh đào tạo dàn trải, tập trung vào các trọng tâm, trọng điểm, cải thiện hợp tác đào tạo trên nhiều kênh, nhiều hình thức; coi trọng hợp tác đào tạo giữa các địa phương, các cơ sở đào tạo và các doanh nghiệp trong đào tạo nghề nghiệp nhằm xây dựng nền tảng mới cho sự phát triển nguồn nhân lực phục vụ cho nhu cầu hợp tác và phát triển kinh tế của mỗi nước. Mở rộng hình thức đào tạo theo nhu cầu sử dụng của các

doanh nghiệp, đồng thời hướng tới việc sử dụng nguồn nhân lực có chất lượng và kỹ thuật cao. Khuyến khích đào tạo cán bộ, sinh viên của mỗi nước ở những ngành học và các bậc học khác nhau bằng nguồn kinh phí của cá nhân, hoặc kinh phí do các tổ chức và các nước khác tài trợ.

*Thứ năm,* cần có sự thống nhất trong qui chế tuyển sinh, số lượng tuyển sinh và chuẩn đầu ra giữa các địa phương có quan hệ hợp tác giáo dục – đào tạo của hai nước

*Thứ sáu,* cần tăng cường đầu tư cơ sở vật chất, tạo môi trường thuận lợi cho việc đào tạo và chuyển giao tri thức giáo dục giữa hai nước như: ưu tiên đầu tư sửa chữa ký túc xá các trường đào tạo nhiều sinh viên Lào tại Việt Nam; lựa chọn các trường phổ thông ở các địa phương của Lào đã xuống cấp, lạc hậu để sửa chữa; nâng cấp đồng thời hỗ trợ trang thiết bị dạy học cho các trường Việt kiều tại Lào.

## Kết luận

Có thể khẳng định rằng, từ năm 2010 đến năm 2020, đào tạo nguồn nhân lực đã trở thành một trong những lĩnh vực hợp tác đạt được nhiều thành tựu quan trọng trong quan hệ hữu nghị đặc biệt và hợp tác toàn diện Việt Nam - Lào.

Thực ra, hợp tác đào tạo nguồn nhân lực Việt Nam - Lào đã được thực hiện từ những ngày đầu cách mạng của hai nước. Trước năm 1975, trong bối cảnh Việt Nam và Lào đang tập trung hoàn thành nhiệm vụ trọng tâm là giải phóng dân tộc, thống nhất đất nước, hai bên cũng đã có nhiều hoạt động hợp tác, giúp đỡ lẫn nhau để phát triển giáo dục, đào tạo cán bộ và nhân lực cho các lĩnh vực, các ngành. Sau khi hòa bình lập lại, hai bên tiếp tục đẩy mạnh hợp tác trong lĩnh vực này để khắc phục hậu quả của chiến tranh, đồng thời góp phần vào sự nghiệp xây dựng lại đất nước. Những thành tựu đạt được trong hợp tác đào tạo nguồn nhân lực giai đoạn này có ý nghĩa hết sức quan trọng, thể hiện sự gắn bó keo sơn của hai dân tộc trong mọi hoàn cảnh. Tuy nhiên, trong thời kỳ này, do Việt Nam cũng như Lào đang còn nhiều khó khăn, nhất là về kinh tế, nên hợp tác đào tạo nguồn nhân lực chưa thực sự đáp ứng mong muốn của cả hai bên.

Từ năm 2010 đến năm 2020, trong bối cảnh hội nhập quốc tế ngày càng sâu rộng, nếu không có nguồn nhân lực chất lượng cao, Việt Nam cũng như Lào khó có thể bắt kịp yêu cầu của cuộc cách mạng 4.0. Việc Chính phủ hai nước ký Thỏa thuận đề án*“Nâng cao chất lượng và hiệu quả hợp tác Việt - Lào trong lĩnh vực giáo dục phát triển nguồn nhân lực giai đoạn 2011 - 2020”* chính là một trong những giải pháp hữu hiệu giải bài toán nguồn nhân lực cho cả hai nước. Sau 10 năm thực hiện đề án, mặc dù còn một số tồn tại, hạn chế, nhưng quan hệ hợp tác đào tạo nguồn nhân lực Việt Nam – Lào đã đạt được nhiều thành tựu, tạo ra bước đột phá quan trọng. Có thể nói, đó là một trong những biểu

hiện sinh động của mối quan hệ hữu nghị đặc biệt và hợp tác toàn diện Việt Nam – Lào trong bối cảnh lịch sử mới.

Để tăng cường hợp tác giáo dục – đào tạo giữa Việt Nam và Lào nhằm thực hiện thắng lợi *“Đề án nâng cao chất lượng và hiệu quả hợp tác Việt Nam - Lào trong lĩnh vực giáo dục và phát triển nguồn nhân lực giai đoạn 2021 – 2030”,* phát huy những thành tựu đã đạt được, khắc phục kịp thời các tồn tại,, hạn chế trên cơ sở thực hiện đồng bộ các giải đã đề ra.

# DANH MỤC TÀI LIỆU THAM KHẢO

1. Ban chỉ đạo nghiên cứu biên soạn lịch sử quan hệ đặc biệt Việt Nam - Lào (1930 - 2007) và Ban chỉ đạo nghiên cứu biên tập lịch sử quan hệ đặc biệt Lào - Việt Nam (1930 - 2007) (2010), *Lịch sử quan hệ đặc biệt Việt Nam - Lào (1930 - 2007)*, Nxb Chính trị Quốc gia, Hà Nội.
2. Đỗ Thanh Bình, Hợp tác giáo dục - đào tạo: một biểu hiện sinh động của quan hệ đặc biệt Việt - Lào*, Tạp chí Đông Nam Á*, số 9/2017
3. Học viện Chính trị quốc gia Hồ Chí Minh, Viện Hàn lâm Khoa học xã hội Việt Nam, Học viện Chính trị - Hành chính quốc gia Lào, Viện Khoa học xã hội quốc gia Lào (2017), *55 năm quan hệ hữu nghị đặc biệt, hợp tác toàn diện Việt Nam - Lào, (Kỷ yếu hội thảo kỷ niệm 55 năm Ngày thiết lập quan hệ ngoại giao Việt Nam - Lào (5-9-1962*
	* *5-9-2017), 40 năm Ngày ký Hiệp ước Hữu nghị và Hợp tác giữa hai nước (18-7- 1977 - 18-7-2017)*, Phan Thiết (Bình Thuận)
4. Trần Thị Hồng (2022), Hợp tác giáo dục Việt - Lào từ năm 2011 đến nay: thực trạng và giải pháp***,*** *Tạp chí Lý luận chính trị và Truyền thông*, số 5/2022
5. Nguyễn Hải Hữu (2011*), “Một số vấn đề về phát triển nguồn nhân lực ở CHDCND Lào”,* Kỷ yếu Hội thảo khoa học quốc tế “Phát triển kinh tế xã hội Việt Nam và Lào giai đoạn 2011-2020”, Nxb Khoa học xã hội, Viêng Chăn, T.2.
6. Lưu Thị Kim (2021), *Quan hệ giữa tỉnh Hủa Phăn (Lào) và tỉnh Thanh Hóa (Việt Nam) từ năm 1986 đến năm 2017,* Luận án Tiến sĩ, Trường Đại học Vinh..

[ 7] Nguyễn Thiện Nhân, Nâng cao chất lượng trong mỗi chương trình hợp tác, Việt Nam - Lào: 45 năm hợp tác và hữu nghị, *Đặc san Báo Thế giới và Việt Nam*, Hà Nội, tr.92.

1. Nguyễn Viết Xuân (2021), *Quan hệ Lào-– Việt Nam (1986 - 2016)*, Luận án Tiến sĩ, Đại học Huế.
2. Tăng cường hợp tác đào tạo nguồn nhân lực cho các tỉnh Bắc Lào, truy cập ngày 19/11/2024 tại *https://nhandan.vn/tin-tuc-giao-duc/tang-cuong-hop-tac-dao-tao- nguon-nhan-luc-cho-cac-tinh-bac-lao-695494/*